

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

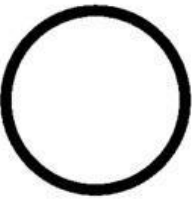
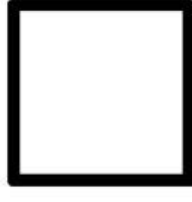
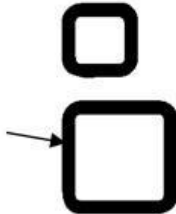
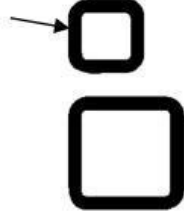
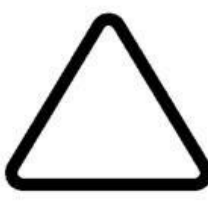
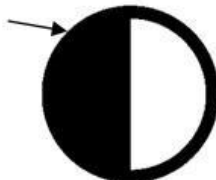
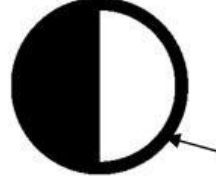
Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



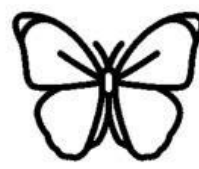
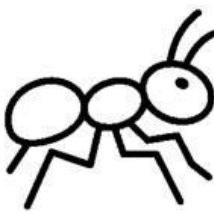
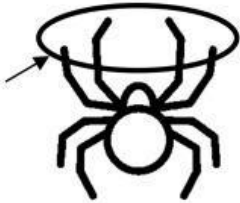
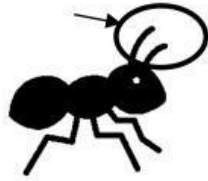
GE2 - Unit 5 & 6 - Vocabulary Revision

A. THEORY: VOCABULARY REVISION

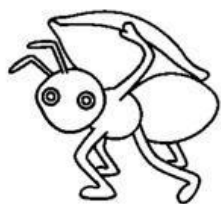
❖ Shapes (Các hình dạng) & Adjectives (Các tính từ)

				
circle (n) hình tròn	square (n) hình vuông	heart (n) hình trái tim	big (adj) to, lớn	little (adj) nhỏ
				
triangle (n) hình tam giác	star (n) hình ngôi sao	rectangle (n) hình chữ nhật	black (adj) màu đen	white (adj) màu trắng

❖ Insects (Côn trùng)

				
insects (n) côn trùng	cricket (n) con dế	butterfly (n) con bướm	worm (n) con giun	spider (n) con nhện
				
ant (n) con kiến	legs (n) các cái chân	wings (n) đôi cánh	antennae (n) đôi râu (côn trùng)	

❖ Characteristics of insects (Các đặc điểm của côn trùng)



carry (v)
mang



build (v)
xây dựng



helpful (adj)
hữu ích

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.

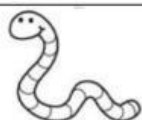
*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (21 questions)

Exercise 1. Look and find all the words. (Nhìn và tìm đầy đủ các từ.)

w	f	m	o	d	s	y	m	j	t	l	a
o	s	p	i	d	e	r	p	c	u	e	n
r	u	c	r	i	c	k	e	t	b	g	t
m	b	u	t	t	e	r	f	l	y	s	e
x	l	s	x	f	a	v	c	q	j	p	n
n	n	z	b	o	n	w	i	n	g	s	n
i	n	s	e	c	t	s	h	y	w	r	a
t	o	u	m	q	e	y	c	p	v	g	e



worm



butterfly



spider



wings



antennae



insects



cricket



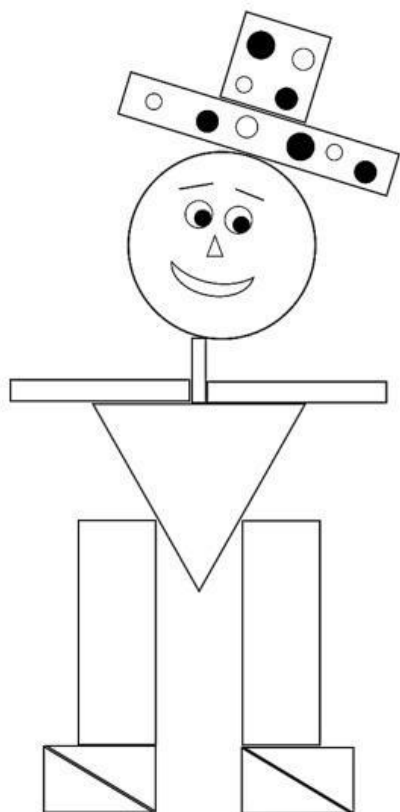
legs



ant

Exercise 2. Look at the pictures and circle the correct answers.

(Nhìn bức tranh và khoanh tròn đáp án đúng.)



My hat has:

(0) 12 / (10) circles

(1) 1 / 2 rectangle(s)

(2) 0 / 1 square(s)

(3) 0 / 1 star(s)

My arms are:

(7) hearts / rectangles

My body is a:

(8) triangle / square

My face has:

(4) 5 / 12 circles

(5) 1 / 2 triangle(s)

(6) 0 / 1 heart(s)

My legs are:

(9) circles / rectangles

My feet are:

(10) triangles / stars

Exercise 3. Read and fill the given phrases in the blanks. (Đọc và điền các cụm từ cho sẵn vào chỗ trống.)six legs

in groups and under the ground

two antennae

leaves, seeds, and small bugs

ANTS**What does an ant look like?**

An ant is an insect.

It has six legs and two antennae.

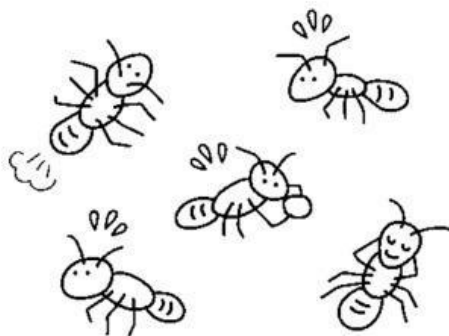
Where do ants live?

Ants live in groups.

They live under the ground.

What do ants eat?

Ants eat leaves, seeds, and small bugs.



0. How many legs does an ant have?

→ It has six legs.

1. How many antennae does an ant have?

→ It has

2. Where do ants live?

→ They live

3. What do ants eat?

→ They eat

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)



Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_w24_homework_starters-part-2

STARTERS PART 2

Listen and write a name or a number.



Example



Nick



8

1.



.....

4.



.....

2.



.....

5.



.....

3.



.....